Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 01.10.2026 09:36:51 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84/2026/VBHN-NĐ-BXD

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt

Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2026;

2. Nghị định số 352/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt và Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng[1]*;*

---

[1] Nghị định số 67/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 62/2020/QH14;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành về nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt tại các Nghị quyết Quốc hội về dự án đường sắt, cụ thể:

1. Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 172/2024/QH15):

a) Điểm a, b khoản 4 Điều 3 về quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt;

b) Khoản 9 Điều 3 về phân chia dự án thành phần;

c) Điểm b khoản 10 Điều 3 về điều chỉnh dự án;

d) Khoản 13 Điều 3 về sử dụng thiết kế FEED thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

đ) Điểm a khoản 14 Điều 3 về hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là thành phần hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án;

e) Khoản 15 Điều 3 về lập tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 50 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và khoản 1 Điều 55 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương."

Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 55 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, khoản 4 Điều 93 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và khoản 3 Điều 50 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 187/2025/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt và Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương.".

g) Khoản 16 Điều 3 về triển khai các hoạt động trước khi có quyết định đầu tư;

h) Khoản 19 Điều 3 giao Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt của dự án.

1a.[2] Khoản 14 Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV về bổ sung hình thức đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

1b.[3] Khoản 13 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV về cho phép tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thành các dự án độc lập.

2. Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 187/2025/QH15):

a) Điểm a, b khoản 3 Điều 3 về quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt;

b) Điểm b khoản 8 Điều 3 về điều chỉnh dự án;

c) Điểm a khoản 11 Điều 3 về hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là thành phần hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án;

d) Khoản 12 Điều 3 về lập tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu;

đ) Khoản 15 Điều 3 về thực hiện đồng thời việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

e) Khoản 16 Điều 3 về áp dụng hình thức chỉ định thầu các gói thầu thuộc dự án;

g) Khoản 18 Điều 3 giao Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt của dự án.

3. Các biện pháp thi hành để thực hiện các Nghị quyết Quốc hội cho các dự án đường sắt được quy định tại Nghị định này gồm:

a) Quy định về việc thành lập, quyền và trách nhiệm của Hội đồng thẩm định[4];

b) Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quyết định điều chỉnh dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD theo trình tự, thủ tục như dự án nhóm A do địa phương quản lý và không yêu cầu thực hiện các thủ tục liên

---

[2] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[4] Cụm từ "Hội đồng thẩm định nhà nước" được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng thẩm định" theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

quan đến quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật có liên quan theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 188/2025/QH15);

c) Quy định về khảo sát xây dựng, lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án khi sử dụng thiết kế FEED thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED; việc phân chia dự án thành phần, lập tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu, dự toán chi phí các hoạt động trước khi có quyết định đầu tư đối với các dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 188/2025/QH15;

d) Lựa chọn nhà thầu thực hiện hợp đồng theo thiết kế FEED: hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình (tiếng Anh là Engineering - Procurement - Construction viết tắt là EPC); hợp đồng thiết kế - thi công xây dựng công trình (tiếng Anh là Engineering - Construction viết tắt là EC); hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị, công nghệ (tiếng Anh là Engineering - Procurement viết tắt là EP);

đ) Quản lý hợp đồng EPC, EC, EP;

e) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án;

g) Kiện toàn Ban quản lý dự án chuyên ngành;

h) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia dự án.

4. Nghị định này không quy định về: tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt; hướng dẫn thực hiện công tác phát triển khoa học, công nghệ đường sắt và quy định chi tiết về việc nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ đối với các dự án đường sắt; việc tạm sử dụng rừng và hoàn trả rừng để thực hiện thi công công trình tạm phục vụ dự án; các nội dung tại khoản này được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động đầu tư xây dựng tại Việt Nam trong việc triển khai thực hiện dự án đường sắt quan trọng quốc gia được Quốc hội quyết định chủ trương tại Nghị quyết số 172/2024/QH15, Nghị quyết số 187/2025/QH15; các dự án đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 188/2025/QH15.

2. Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về quản

lý sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp Nghị định này chưa có quy định hoặc đã có quy định nhưng khác với quy định của nhà tài trợ thì được áp dụng theo quy định của nhà tài trợ.

3. Khuyến khích áp dụng các quy định của Nghị định này đối với các dự án đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt đô thị theo mô hình TOD sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thiết kế kỹ thuật tổng thể (Front - End Engineering Design), sau đây gọi là thiết kế FEED, là bước thiết kế được lập theo thông lệ quốc tế đối với dự án có thiết kế công nghệ để cụ thể hóa các yêu cầu về phương án công nghệ, thông số kỹ thuật của các thiết bị, vật liệu sử dụng chủ yếu, giải pháp xây dựng để triển khai bước thiết kế tiếp theo.

2.[5] Báo cáo giữa kỳ là báo cáo được thực hiện trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng để phân tích, đánh giá các yếu tố đầu vào của dự án nhằm xác định hướng tuyến, vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến, lựa chọn phương án công nghệ, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án và dự kiến phân chia dự án thành phần.

3. Phương án công nghệ là tập hợp các giải pháp, quy trình, nguyên lý vận hành của máy móc, phương tiện, thiết bị của hệ thống đường sắt; làm cơ sở xác định tiêu chuẩn áp dụng và tổ chức thực hiện, bảo đảm đồng bộ trong vận hành, khai thác.

4. Tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án là tổ chức được chủ đầu tư lựa chọn theo quy định pháp luật để thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ của chủ đầu tư và nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan chủ quản dự án trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án.

5. Quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt là quy hoạch được lập cho khu vực phụ cận các nhà ga đường sắt thuộc Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng theo phạm vi, ranh giới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt được thực hiện theo các quy định đối với quy hoạch phân khu khu chức năng theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc và các quy định chung về thực hiện dự án[6]

1. Việc khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; quản lý năng lực; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng xây dựng; kiện toàn Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện theo các cơ chế, chính

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

sách đặc thù, đặc biệt quy định cụ thể tại Nghị định này. Những nội dung không được quy định trong Nghị định này thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định có liên quan về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án tại Chương II, Chương III của Nghị định này, trường hợp cần thiết, Bộ Xây dựng được quy định, hướng dẫn riêng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng theo đặc thù cho dự án.

2. Các quy định về lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phê duyệt dự án áp dụng đối với dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thực hiện theo hình thức đầu tư công được xác định tại Nghị quyết số 172/2024/QH15. Trường hợp các dự án thành phần được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc theo hình thức đầu tư kinh doanh, việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần và triển khai các bước tiếp theo thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực.

4. Việc áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) cho dự án do người quyết định đầu tư quyết định phù hợp với đặc thù của dự án; khuyến khích tích hợp dữ liệu từ hệ thống thông tin địa lý (GIS), hệ thống quản lý tài sản (AIM) và bản sao kỹ thuật số song sinh (Digital Twin), mô phỏng và đánh giá lựa chọn phương án, quản lý vận hành dự án, các công nghệ hiện đại, công nghệ số trong khảo sát, thiết kế, xây dựng. Việc khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu BIM, GIS, AIM, Digital Twin đối với các dự án phải đảm bảo yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh.

5. Đối với dự án được lập thiết kế FEED thay thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng thực hiện theo trình tự thiết kế 02 bước gồm thiết kế FEED và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED (thiết kế chi tiết theo thông lệ quốc tế hoặc thiết kế bản vẽ thi công), bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng.

6. Dự án được thực hiện song song, đồng thời, kết hợp các nội dung công việc theo quy định tại Nghị định này để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, song cần đảm bảo thứ tự hoàn thành và đảm bảo tính thống nhất của toàn dự án.

Dự án được bổ sung các chi phí cần thiết do điều chỉnh khi triển khai song song, đồng thời. Cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư quyết định việc bổ sung các chi phí này. Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc bổ sung kinh phí trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư.

7. Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án đường sắt và lập quy hoạch vùng phụ cận nhà ga đường sắt, quy hoạch khu vực TOD đối với tuyến đường sắt đô thị phải có sự phối hợp chặt chẽ để đảm bảo kết nối không gian và giao thông hợp lý. Trường hợp triển khai thiết kế FEED của dự án có dẫn đến việc điều chỉnh ranh giới nhà ga đường sắt, chủ đầu tư cần thông báo kịp thời đến cơ quan, tổ chức lập quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, quy hoạch khu vực TOD để cập nhật, điều chỉnh tương ứng.

8. Dự án được thuê tư vấn nước ngoài để thực hiện các công việc hỗ trợ chuẩn bị dự án, quản lý dự án, lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, giám sát thi công, đánh giá an toàn hệ thống, tư vấn pháp lý và một số công việc tư vấn khác theo quyết định của người có thẩm quyền.

9. Ngoài các công việc về khảo sát xây dựng; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án được quy định cụ thể tại các Chương II, Chương III và Chương IV của Nghị định này; các hoạt động được thực hiện trước theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Nghị quyết số 172/2024/QH15 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 188/2025/QH15 được lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí cụ thể như sau:

a) Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được giao lập dự toán chi phí các hoạt động thực hiện trước tổ chức lập dự toán, thẩm định và phê duyệt;

b) Chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án (gồm chi phí xây dựng trụ sở, các văn phòng hiện trường, mua sắm phương tiện và các chi phí quản lý dự án theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng) để triển khai các hoạt động thực hiện trước được xác định bằng cách lập dự toán phù hợp với nhiệm vụ được giao, phạm vi, nội dung công việc phải thực hiện. Các chi phí này được ứng trước từ chi phí quản lý dự án.

10. Dự án đang triển khai thực hiện thuộc danh mục được áp dụng các cơ chế đặc thù, đặc biệt tại Nghị quyết số 188/2025/QH15 được sử dụng vốn đối ứng để tiếp tục triển khai các công việc của dự án trong trường hợp có yêu cầu thay đổi, dừng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài để đáp ứng yêu cầu về tiến độ của dự án. Việc triển khai các thủ tục về nguồn vốn của dự án, điều chỉnh dự án phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh phải được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có ý kiến thống nhất về việc bảo đảm quốc phòng, an ninh trước khi phê duyệt dự án.

12. Hồ sơ đề xuất, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện theo các quy định đối với dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về lâm nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Thiết kế xây dựng phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án. Việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (sau đây gọi chung là tiêu chuẩn nước ngoài) phải đảm bảo tính tương

thích với các tiêu chuẩn có liên quan áp dụng cho dự án và phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

2. Việc lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn đối với các dự án đường sắt quy định tại Nghị định này thực hiện như sau:

a)[7] Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam được người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

b) Tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đường sắt tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng được thực hiện theo thoả thuận giữa hai Chính phủ về dự án hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam;

c) Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định lựa chọn áp dụng cho các dự án bằng văn bản sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. Bộ Xây dựng có trách nhiệm có ý kiến đối với nội dung đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, tài liệu và văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố;

d)[8] Trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư được cập nhật, bổ sung, thay đổi các tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với từng bước thiết kế, giai đoạn thực hiện. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo để người quyết định đầu tư có ý kiến trước khi quyết định cập nhật, bổ sung, thay đổi. Người quyết định đầu tư có ý kiến về nội dung đề nghị của chủ đầu tư trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ đầu tư.

3. Đối với dự án đường sắt đô thị đã thực hiện thiết kế FEED trước Nghị định này có hiệu lực thi hành, trong quá trình thực hiện dự án có yêu cầu phải cập nhật, điều chỉnh thiết kế FEED thì cần rà soát, cập nhật, bổ sung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc nêu tại Điều này và đảm bảo yêu cầu kinh tế, kỹ thuật của Dự án.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC – NAM

Mục 1. KHẢO SÁT XÂY DỰNG PHỤC VỤ LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 6. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát

1. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

tư xây dựng do Tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án lập, trình chủ đầu tư phê duyệt.

2. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng phải đáp ứng yêu cầu, mức độ chi tiết theo từng giai đoạn của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 Nghị định này và không vượt quá nội dung khảo sát lập cho bước thiết kế kỹ thuật. Nội dung khảo sát địa chất phục vụ Báo cáo giữa kỳ được lập tương đương nội dung khảo sát cho bước thiết kế cơ sở.

3. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng bao gồm những nội dung sau:

a) Mục đích khảo sát xây dựng;

b) Phạm vi khảo sát xây dựng;

c) Yêu cầu về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng; việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

d) Sơ bộ khối lượng các loại công tác khảo sát xây dựng, dự toán khảo sát xây dựng (nếu có);

đ) Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng.

4. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng điều chỉnh được chủ đầu tư xem xét, phê duyệt trong các trường hợp sau:

a) Trong quá trình thực hiện khảo sát xây dựng, nhà thầu khảo sát phát hiện các yếu tố khác thường có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế hoặc khi có thay đổi nhiệm vụ thiết kế cần phải bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng;

b) Trong quá trình thiết kế, tư vấn lập dự án phát hiện nhiệm vụ khảo sát xây dựng, báo cáo khảo sát xây dựng không đáp ứng yêu cầu thiết kế;

c) Trong quá trình thi công, phát hiện các yếu tố địa chất, địa chất thủy văn khác thường, không đáp ứng được nhiệm vụ khảo sát đã được chủ đầu tư hoặc tư vấn thiết kế phê duyệt có thể ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng công trình, biện pháp thi công xây dựng công trình.

5. Nhà thầu khảo sát xây dựng lập phương án kỹ thuật khảo sát. Tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án kiểm tra phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, xác nhận, trình chủ đầu tư phê duyệt.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra và phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng bằng văn bản hoặc phê duyệt trực tiếp tại nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

7. Phương án kỹ thuật khảo sát bao gồm những nội dung sau:

a) Cơ sở lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng;

b) Thành phần, khối lượng công tác khảo sát xây dựng;

c) Phương pháp, thiết bị khảo sát và phòng thí nghiệm được sử dụng;

d) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng áp dụng;

đ) Tổ chức thực hiện và biện pháp kiểm soát chất lượng của nhà thầu khảo

sát xây dựng;

e) Tiến độ thực hiện;

g) Biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát; biện pháp bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát và phục hồi hiện trạng sau khi kết thúc khảo sát.

Điều 7. Nội dung, yêu cầu kết quả khảo sát xây dựng

1. Nội dung báo cáo kết quả khảo sát xây dựng cần tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, đảm bảo đầy đủ thông tin để lập Báo cáo giữa kỳ và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, bao gồm:

a) Căn cứ thực hiện khảo sát xây dựng;

b) Quy trình và phương pháp khảo sát xây dựng;

c) Khái quát về vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát xây dựng, đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình;

d) Khối lượng khảo sát xây dựng đã thực hiện;

đ) Kết quả, số liệu khảo sát xây dựng sau khi thí nghiệm, phân tích;

e) Các ý kiến đánh giá, lưu ý, đề xuất (nếu có);

g) Kết luận và kiến nghị;

h) Các phụ lục kèm theo.

2.[9] Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng để phục vụ lập Báo cáo giữa kỳ phải có đủ thông tin làm cơ sở phân tích, đánh giá tác động đến cộng đồng dân cư và ảnh hưởng của việc giải phóng mặt bằng nơi tuyến đường sắt dự kiến đi qua làm cơ sở phân tích, lựa chọn tuyến và công trình trên tuyến.

3. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng để phục vụ lập toàn bộ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án phải có đánh giá về các biến đổi liên quan đến địa tầng khu vực, đưa ra dự báo và khuyến nghị biện pháp kiểm soát các rủi ro về địa chất trong quá trình thi công, vận hành; xác định khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng phục vụ cho dự án.

4.[10] Nội dung của kết quả khảo sát tích hợp được vào mô hình thông tin công trình (BIM) của dự án theo tiêu chuẩn áp dụng thỏa thuận được nêu tại hợp đồng của các bên có liên quan. Dữ liệu khảo sát trong mô hình BIM phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ theo báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đã được phê duyệt, phục vụ cho quá trình thiết kế FEED.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

Điều 8. Phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bằng văn bản hoặc phê duyệt trực tiếp tại Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng. Chủ đầu tư được giao tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng làm cơ sở phê duyệt.

2.[11] Nhà thầu khảo sát xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện. Việc phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của cơ quan chuẩn bị dự án không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do nhà thầu khảo sát xây dựng thực hiện.

3. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng là thành phần của hồ sơ hoàn thành công trình và được lưu trữ theo quy định.

Mục 2. LẬP THIẾT KẾ FEED, BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 9. Nhiệm vụ lập thiết kế FEED

1. Đối với dự án thực hiện lập thiết kế FEED thay cho thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, nhiệm vụ thiết kế do tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án lập, trình chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhiệm vụ thiết kế phải phù hợp với chủ trương đầu tư xây dựng, là căn cứ để lập thiết kế FEED.

3. Nhiệm vụ thiết kế gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Căn cứ để lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

b) Mục tiêu và địa điểm xây dựng công trình;

c) Các yêu cầu về quy mô, công năng sử dụng, tiêu chí đề xuất tiêu chuẩn áp dụng, quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình;

d) Các yêu cầu về kỹ thuật đối với phương án công nghệ của hệ thống thiết bị, phương tiện; công trình xây dựng và các yêu cầu kỹ thuật khác;

đ) Yêu cầu về chi phí, định hướng biện pháp, kế hoạch thi công tổng thể và quản lý rủi ro của dự án;

e) Các yêu cầu về phương án kết nối, giao diện giữa các hạng mục công trình và hệ thống thiết bị của dự án (sau đây gọi là giao diện hệ thống); phương án kết nối giữa hệ thống đường sắt với các khu vực lân cận; đánh giá ảnh hưởng đối với các công trình hiện hữu;

g) Yêu cầu về phương án tổ chức, quy trình vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng công trình;

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

h) Yêu cầu, chỉ dẫn về lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED và các định hướng, chỉ dẫn về thi công, giám sát và nghiệm thu (sau đây gọi chung là chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế FEED);

i) Các yêu cầu về mức độ thông tin trong mô hình BIM của dự án;

k) Các yêu cầu cần thiết khác của dự án.

4. Nhiệm vụ thiết kế được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng điều kiện thực tế để đảm bảo hiệu quả và yêu cầu sử dụng dự án đầu tư xây dựng công trình. Chủ đầu tư quyết định việc sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ thiết kế bằng văn bản.

Điều 10. Yêu cầu, quy cách của thiết kế FEED

1. Thiết kế FEED phải đáp ứng các yêu cầu tại nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận; phù hợp với nội dung tại chủ trương đầu tư được phê duyệt.

2. Thiết kế FEED phải tuân thủ tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng, quy định về sử dụng vật liệu xây dựng; bảo đảm an toàn trong xây dựng, lắp đặt, sử dụng; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng cháy và chữa cháy[12] và điều kiện an toàn khác.

3. Giải pháp thiết kế phải có so sánh và đánh giá để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

4. Nội dung thiết kế FEED phải thể hiện được cấu trúc tổng thể của hệ thống đường sắt và giao diện hệ thống; xác định các thông tin, thông số, kích thước, vật liệu chủ yếu của các công trình, hạng mục công trình chính, hệ thống phương tiện, thiết bị của dự án; đủ cơ sở để xác định tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu và lập bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED.

5. Mô hình thông tin công trình (BIM) kèm theo thiết kế FEED phải đáp ứng các yêu cầu về mức độ thông tin phù hợp theo quy định tại hợp đồng tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, sử dụng định dạng gốc kèm theo định dạng mở.

6. Quy cách hồ sơ thiết kế FEED được quy định cụ thể như sau:

a) Hồ sơ thiết kế FEED được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế FEED và các tài liệu có liên quan;

b) Bản vẽ thiết kế FEED phải có kích cỡ, khung tên; khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế; được tư vấn lập dự án, lập thiết kế FEED ký tên và đóng dấu xác nhận;

c) Hình thức của hồ sơ thiết kế FEED được thực hiện theo quy định của hợp đồng ký kết giữa tư vấn lập dự án với chủ đầu tư; phải bảo đảm tra cứu và bảo quản lâu dài.

---

[12] Cụm từ "phòng, chống cháy nổ" được thay thế bằng cụm từ "phòng cháy và chữa cháy" theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

Điều 11. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1.[13] Căn cứ nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận, nhà thầu tư vấn lập dự án thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án gồm: lập Báo cáo giữa kỳ theo nội dung quy định tại Điều 12 Nghị định này và triển khai hoàn thành toàn bộ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. Riêng các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được lập theo dự án độc lập.

2.[14] Báo cáo giữa kỳ được Hội đồng thẩm định cho ý kiến, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận theo trình tự quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Trên cơ sở Báo cáo giữa kỳ đã được chấp thuận, tư vấn lập dự án triển khai hoàn thành toàn bộ các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng để tổ chức thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

4.[15] ***(được bãi bỏ)***

5. Trường hợp tại Báo cáo giữa kỳ xác định một số dự án thành phần được ưu tiên triển khai trước, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án thành phần được triển khai đồng thời với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của toàn dự án và được trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần trước khi phê duyệt dự án tổng thể. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án thành phần thực hiện theo quy định pháp luật đối với dự án thành phần. Nội dung thẩm định dự án thành phần theo quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

6.[16] Việc lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. [17] Trong quá trình chuẩn bị, thực hiện dự án, theo yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án theo quy định pháp luật về địa chất và khoáng sản, làm cơ sở xác định các mỏ khoáng sản, báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh trữ lượng, kéo dài thời hạn khai thác, nâng công suất hoặc điều chỉnh, bổ sung vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.

Điều 12. Nội dung Báo cáo giữa kỳ của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng[18]

1. Thuyết minh chung của Báo cáo giữa kỳ gồm các nội dung chủ yếu sau:

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

a) Thông tin chung về dự án, vị trí xây dựng;

b) Phân tích, đánh giá các phương án công nghệ, phương án tuyến, vị trí công trình chính trên tuyến;

c) Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính quy định tại Điều 22 Nghị định này;

d) Đánh giá ban đầu về hiệu quả kinh tế - xã hội; tiến độ thực hiện dự án; đánh giá các yếu tố rủi ro; phân tích sơ bộ về định hướng phát triển vùng phụ cận ga đường sắt theo mô hình TOD;

đ) Đề xuất lựa chọn phương án hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến, phương án công nghệ, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

e) Đề xuất về việc phân chia dự án thành phần, tiểu dự án, hình thức đầu tư, tiến độ triển khai dự án thành phần, xác định dự án thành phần được ưu tiên triển khai trước khi phê duyệt dự án tổng thể (nếu có).

2. Hồ sơ thiết kế FEED tại Báo cáo giữa kỳ gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tổng hợp các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được chấp thuận trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và đề xuất các tiêu chuẩn cần chấp thuận liên quan đến thiết kế công nghệ;

b) Thuyết minh tính khả thi đối với việc lựa chọn hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến;

c) Phương án kết nối với các đầu mối, tuyến giao thông quan trọng, khu chức năng và khu đô thị;

d) Đề xuất sơ bộ về phân chia dự án thành phần (nếu có);

đ) Bản vẽ, thuyết minh kèm theo gồm: mô tả cấu trúc tổng thể của hệ thống đường sắt; các bản vẽ thể hiện hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến;

e) Mô hình thông tin công trình (BIM) (nếu có).

Điều 13. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1.[19] Thuyết minh chung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm các nội dung được chấp thuận của Báo cáo giữa kỳ và các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết, mục tiêu đầu tư xây dựng, quy mô công suất; đánh giá sự phù hợp với chủ trương đầu tư;

b) Địa điểm xây dựng, diện tích và chức năng sử dụng đất; đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án và quy hoạch có liên quan;

c) Phân tích các yếu tố đảm bảo thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, sử dụng tài nguyên, sử dụng lao động, lựa chọn công nghệ,

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

thiết bị, giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, khai thác, sử dụng;

d) Phương án phân chia dự án thành phần, dự án thành phần độc lập, phân kỳ đầu tư; đề xuất hình thức đầu tư cho các dự án thành phần;

đ) Kết quả thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường;

e) Dự kiến thời gian thực hiện dự án;

g) Đề xuất kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, phương án phân chia các gói thầu thi công xây dựng, gói thầu EPC, EC, EP;

h) Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

i) Nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn (nếu có); phân tích tài chính, rủi ro; chi phí khai thác, sử dụng công trình; dự kiến về khả năng đáp ứng nguồn vốn cho khai thác, bảo trì, công trình;

k) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, việc bảo đảm quốc phòng - an ninh của dự án; phân tích về định hướng phát triển vùng phụ cận ga đường sắt theo mô hình TOD;

l) Phương án đào tạo để quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa; phương án chuyển giao công nghệ;

m) Kiến nghị các cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

n) Các nội dung cần thiết khác.

2. Hồ sơ thiết kế FEED gồm các nội dung sau:

a) Thông tin chung về dự án, vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình;

b) Danh mục, quy mô, loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng công trình;

c) Danh mục quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

d) Các yêu cầu về tính sẵn sàng, độ tin cậy, khả năng bảo trì và an toàn (RAMS);

đ) Xác định chỉ số đánh giá hiệu suất, năng lực vận tải của dự án; phương án tổ chức khai thác chạy tàu;

e) Thông tin, thông số kỹ thuật chủ yếu và các yêu cầu cho hệ thống thiết bị, phương tiện chính bao gồm: hệ thống phương tiện; hệ thống thông tin, tín hiệu; hệ thống giám sát; hệ thống cấp điện, điện sức kéo; hệ thống thẻ vé; trung tâm điều khiển chạy tàu; hệ thống kiểm soát môi trường; hệ thống thiết bị phục vụ duy tu, bảo dưỡng tại đề-pô;

g) Thông tin, thông số kỹ thuật, vật liệu, kích thước chủ yếu và các yêu cầu về công trình tuyến, các công trình trên tuyến: bình đồ, trắc dọc, trắc ngang; giải pháp thiết kế kiến trúc, kết cấu, cơ - điện công trình;

h) Các bản vẽ cần thiết khác (nếu có);

i) Chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế FEED;

k) Phương án kết nối, giao diện hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình; giữa các hạng mục công trình và thiết bị hoặc hệ thống thiết bị của dự án;

l) Phương án kết nối giữa hệ thống đường sắt với hệ thống giao thông; các khu vực đô thị, khu chức năng (nếu có);

m) Giải pháp phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; giải pháp phòng chống thiên tai, phương án cứu hộ và sơ tán;

n) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng đối với các công trình hiện hữu (nếu có);

o) Các yêu cầu về vận hành, bảo trì;

p) Mô hình thông tin công trình (BIM);

q) Các nội dung cần thiết khác.

3.[20] Nội dung giải trình về công nghệ của dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

4.[21] Hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo pháp luật về lâm nghiệp được thực hiện tại bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phạm vi ranh giới của dự án. Chủ đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện thủ tục về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo pháp luật về lâm nghiệp làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

5. Các hồ sơ có liên quan đến kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, phương án phân chia gói thầu, dự toán gói thầu EPC, EC, EP (nếu có).

6. Các tài liệu khác có liên quan.

Mục 3. THẨM TRA, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Điều 14. Hội đồng thẩm định[22]

1. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập để thẩm định dự án đồng thời với quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; đại diện lãnh đạo Thanh tra Chính phủ; đại diện lãnh đạo Kiểm toán

---

[20]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[22] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

nhà nước; đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực Hội đồng và có các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng với các nội dung chủ yếu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; đề xuất thành lập các tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; mời các cơ quan chuyên môn có liên quan, tổ chức tư vấn, chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (nếu có) tham gia thẩm định;

b) Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức công việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, các cơ quan liên quan, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc của Hội đồng;

c) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ cho ý kiến Báo cáo giữa kỳ, hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan;

d) Xây dựng kế hoạch thẩm định, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thực hiện thẩm định theo các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định này;

đ) Tổng hợp kết quả cho ý kiến Báo cáo giữa kỳ của Hội đồng trình người quyết định đầu tư chấp thuận; tổng hợp kết quả thẩm định của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, dự thảo Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Hội đồng;

e) Đóng dấu xác nhận bản vẽ thiết kế xây dựng đối với các nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

4. Hội đồng thẩm định có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Xem xét, quyết định các vấn đề về nội dung, chương trình và kế hoạch công tác của Hội đồng, thường trực Hội đồng và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình thẩm định dự án;

b) Yêu cầu cơ quan chuẩn bị dự án, tổ chức tư vấn, các cơ quan có liên quan cung cấp các tài liệu liên quan trong quá trình cho ý kiến, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Thành lập một hoặc một số tổ chuyên gia thẩm định liên ngành theo đề nghị của cơ quan thường trực;

d) Sử dụng con dấu của Bộ Xây dựng cho các văn bản của Hội đồng và Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng ký ban hành;

đ) Yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra một số nội dung hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định trong trường hợp cần thiết. Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.

5. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành gồm đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc bộ, ngành, địa phương và các cơ quan khác có liên quan, các đơn vị tư vấn, chuyên gia (nếu có). Tổ trưởng tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là lãnh đạo cơ quan chuyên môn theo chuyên ngành, lĩnh vực thẩm định. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị các nội dung xin ý kiến Hội đồng trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các nội dung thẩm định để gửi cho các thành viên Hội đồng;

b) Chuẩn bị các nội dung yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đề nghị của các thành viên Hội đồng trong quá trình thẩm định;

c) Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng, đề xuất, trình Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định những vấn đề cần xử lý trong quá trình thẩm định;

d) Dự thảo báo cáo kết quả thẩm định theo chuyên ngành, lĩnh vực được phân công;

đ) Thực hiện các công việc khác được Hội đồng giao.

6. Hội đồng thẩm định tổ chức cho ý kiến trong quá trình lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo hình thức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

7. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Phiên họp Hội đồng thẩm định được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự (kể cả người được ủy quyền). Các ý kiến kết luận được thống nhất theo nguyên tắc đa số. Trường hợp tỷ lệ biểu quyết là bằng nhau và đạt 50% số thành viên Hội đồng (bao gồm cả số có mặt tại phiên họp và số biểu quyết bằng văn bản gửi đến Hội đồng), vấn đề được thông qua theo ý kiến đã biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

Kết luận cuối cùng thông qua các nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định thông qua. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định được thực hiện bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng thẩm định.

8. Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tổ chức thẩm định theo nhiệm vụ được giao; về nội dung ý kiến, kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng thẩm định theo quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định.

9. Hội đồng thẩm định, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành tự giải thể sau khi người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

Điều 15. Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Hội đồng thẩm định[23] lựa chọn tổ chức tư vấn thẩm tra có đủ điều kiện

[23] Cụm từ "Hội đồng thẩm định nhà nước" được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng thẩm định" theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

năng lực để thực hiện thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng song song, đồng thời với việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Thực hiện thẩm tra các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này và các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định[24].

3. Báo cáo kết quả thẩm tra được lập cho Báo cáo giữa kỳ và khi hoàn thành toàn bộ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án.

Điều 16. Nội dung, trình tự cho ý kiến Báo cáo giữa kỳ[25]

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để được Hội đồng thẩm định cho ý kiến đối với các đề xuất tại Báo cáo giữa kỳ. Hồ sơ được gửi theo hình thức trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản của Bộ Xây dựng hoặc gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ xin ý kiến Hội đồng thẩm định gồm:

a) Báo cáo giữa kỳ;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra;

c) Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án;

d) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thời gian cho ý kiến của Hội đồng thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận các nội dung đề xuất quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án[26]

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ được gửi theo hình thức trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản của Bộ Xây dựng hoặc gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra;

---

[24] Cụm từ "Hội đồng thẩm định nhà nước" được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng thẩm định" theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[25] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[26] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

d) Văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư về Báo cáo giữa kỳ;

đ) Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án;

e) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định này, ban hành Thông báo kết quả thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Chủ đầu tư gửi hồ sơ tổng mức đầu tư xây dựng đã được hoàn thiện theo nội dung yêu cầu tại Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định đến Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán làm cơ sở phê duyệt dự án. Kiểm toán nhà nước có kết quả kiểm toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán.

5. Chủ đầu tư hoàn thiện toàn bộ hồ sơ dự án theo yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước (nếu có), trình hồ sơ đã chỉnh sửa, hoàn thiện đến cơ quan thường trực Hội đồng.

6. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp, trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư.

Điều 18. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng[27]

1. Nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định bao gồm:

a) Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với chủ trương đầu tư về mục tiêu, phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư, công nghệ, tiến độ thực hiện;

b) Đánh giá về nhu cầu sử dụng đất; hình thức quản lý dự án; việc tổ chức quản lý dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;

c) Đánh giá về thiết kế FEED;

d) Tổng mức đầu tư xây dựng; thời gian, tiến độ thực hiện; nguồn vốn; hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội;

đ) Kiểm tra việc thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

e) Đánh giá sơ bộ về xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án; phương án đào tạo để quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa; phương án chuyển giao công nghệ;

g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

2. Nội dung đánh giá thiết kế FEED tại điểm c khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế FEED với nhiệm vụ thiết kế được chấp

---

[27] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

thuận; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

b) Sự phù hợp của thiết kế FEED với định hướng tại quy hoạch mạng lưới đường sắt;

c) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra đáp ứng yêu cầu về: an toàn công trình; an toàn phòng cháy và chữa cháy; sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng;

đ) Đánh giá các nội dung về thiết kế công nghệ.

3. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 19. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

1. Việc quyết định đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư được thể hiện tại Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên dự án;

b) Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình;

c) Người quyết định đầu tư; chủ đầu tư;

d) Tổ chức tư vấn lập dự án; tổ chức tư vấn thẩm tra;

đ) Loại, nhóm dự án; danh mục; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính;

e) Mục tiêu dự án;

g) Diện tích đất sử dụng;

h) Quy mô đầu tư xây dựng: quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính;

i) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn (danh mục tiêu chuẩn chủ yếu có thể được chấp thuận theo văn bản riêng);

k) Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng;

l)[28] Việc phân chia dự án thành phần; hình thức đầu tư đối với các dự án thành phần (nếu có);

m) Kế hoạch, tiến độ thực hiện; phân kỳ đầu tư (nếu có);

n) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có);

o) Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu);

p) Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo kế hoạch, tiến độ

[28] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

thực hiện dự án;

q) Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;

r) Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên;

s) Các cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án.

2. Trường hợp phê duyệt dự án thành phần theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này, nội dung phê duyệt dự án thành phần là các nội dung tương ứng theo quy định khoản 1 Điều này.

Điều 20. Điều chỉnh dự án

1. Việc điều chỉnh dự án được thực hiện theo pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công.

2. Quy trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh thực hiện theo Điều 17 Nghị định này. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh cần bổ sung các nội dung sau:

a) Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật đầu tư công;

b) Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

3. Việc thẩm định điều chỉnh được thực hiện đối với các nội dung điều chỉnh tương ứng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

4. Việc phê duyệt dự án điều chỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 172/2024/QH15 và pháp luật về đầu tư công.

5. Trường hợp dự án thành phần điều chỉnh không làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng, không gắn với công nghệ của tổng thể dự án, việc điều chỉnh dự án thành phần được thực hiện theo nhóm của dự án thành phần và cấp công trình thuộc dự án thành phần.

Điều 21. Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED

1. Đối với dự án thực hiện lập thiết kế FEED thay cho thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED là bước thiết kế bản vẽ thi công hoặc thiết kế chi tiết theo thông lệ quốc tế, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình.

2. Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED được lập cho từng phần công trình, gói thầu hoặc toàn bộ công trình.

3. Trong quá trình lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED, chủ đầu tư được quyết định việc thay đổi một số nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng và vẫn được xác định là phù hợp với thiết kế FEED đã được phê duyệt khi vẫn bảo đảm các yêu cầu về quản lý chất lượng, an toàn xây dựng, lắp đặt được quy định tại thiết kế FEED và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Làm tăng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt;

b) Thay đổi về phương án công nghệ tổng thể của dự án;

c) Làm thay đổi hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến đã được xác định, trừ các trường hợp điều chỉnh cục bộ.

4. Chủ đầu tư báo cáo cơ quan chủ quản chấp thuận bằng văn bản để kiểm soát việc thay đổi nội dung thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi một số chỉ tiêu, thông số kỹ thuật của thiết bị, phương tiện đã được xác định tại thiết kế FEED;

b) Thay đổi vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến;

c) Thay đổi giải pháp kiến trúc hoặc giải pháp kết cấu công trình chính.

5. Chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED, cụ thể:

a) Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED với gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với gói thầu được thực hiện theo hình thức hợp đồng EPC, EC, EP: nhà thầu EPC, EC, EP tổ chức lập, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED theo đúng thoả thuận hợp đồng.

6. Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED (bao gồm trường hợp điều chỉnh) do nhà thầu EPC, EC, EP lập theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này được phê duyệt sau khi:

a) Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED được tổ chức tư vấn thẩm tra do nhà thầu EPC, EC, EP lựa chọn theo quy định pháp luật kết luận đáp ứng yêu cầu về tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; phù hợp với thiết kế FEED; đáp ứng yêu cầu an toàn công trình và công trình lân cận;

b) Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED đã được thẩm tra kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra được gửi đến chủ đầu tư để có ý kiến chấp thuận về sự phù hợp với thiết kế FEED, đáp ứng yêu cầu nêu tại hợp đồng đã ký kết.

Mục 4. QUẢN LÝ CHI PHÍ

Điều 22. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính[29]

1. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính của Báo cáo giữa kỳ nêu tại Điều 12 Nghị định này gồm chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính được xác định trên cơ sở thiết kế FEED của Báo cáo giữa kỳ. Phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng ước

[29] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

tính thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 23. Tổng mức đầu tư xây dựng[30]

1. Tổng mức đầu tư xây dựng được xác định phù hợp với thiết kế FEED và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp dự án được phân chia thành các dự án thành phần; dự án thành phần độc lập (nếu có) thì tổng mức đầu tư xây dựng của dự án gồm tổng mức đầu tư các dự án thành phần; dự án thành phần độc lập.

2. Được tính toán, xác định trong tổng mức đầu tư xây dựng các khoản mục chi phí như các dự án đường sắt có tính chất, điều kiện triển khai tương tự trên thế giới đối với các khoản mục chi phí chưa được quy định trong pháp luật Việt Nam hoặc đã có quy định trong pháp luật Việt Nam nhưng chưa phù hợp với tính chất, điều kiện triển khai dự án. Trong đó:

a) Chi phí tư vấn xây dựng gồm các chi phí tư vấn xây dựng theo quy định; chi phí tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án; chi phí thuê tư vấn hỗ trợ quản lý dự án (nếu có); chi phí tư vấn pháp lý (nếu có); chi phí tư vấn có liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án; chi phí tư vấn đánh giá an toàn hệ thống; các chi phí tư vấn khác theo thông lệ quốc tế và điều kiện của dự án (nếu có) thuộc chi phí tư vấn xây dựng trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án;

b) Chi phí khác gồm các chi phí khác theo quy định; các chi phí khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án; các chi phí khác theo thông lệ quốc tế và điều kiện của dự án (nếu có) thuộc chi phí khác trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án.

3. Tổng mức đầu tư xây dựng được điều chỉnh khi dự án được điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này và trong các trường hợp được Quốc hội cho phép. Việc thẩm tra, thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 18 Nghị định này và quy định pháp luật về xây dựng.

Điều 24. Dự toán gói thầu xây dựng

1.[31] Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được xác định trên cơ sở các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng và các nội dung khác trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phù hợp với thiết kế FEED, nội dung, phạm vi, thời gian thực hiện của gói thầu và được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu).

---

[30] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

2. Căn cứ tổng mức đầu tư xây dựng, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu được duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư cập nhật giá gói thầu EPC, EC, EP theo quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu cần thiết); tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3.[32] Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định việc bổ sung các chi phí đặc thù, đặc biệt khác trong dự toán gói thầu xây dựng (trong trường hợp cần thiết) đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai gói thầu và thông lệ quốc tế.

5.[33] ***(được bãi bỏ)***

Chương III
CÁC QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐỐI VỚI DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Mục 1. LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN, THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Điều 25. Lập, thẩm tra, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng[34]

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được lập cho từng dự án thành phần, dự án thành phần độc lập, tiểu dự án (sau đây gọi là dự án thành phần).

2. Các nội dung của Dự án hỗ trợ kỹ thuật được quy định cụ thể như sau:

a) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật được tổ chức tư vấn do nhà tài trợ lựa chọn lập. Các nội dung về khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, tổng mức đầu tư được lập theo tiêu chuẩn của nhà tài trợ và được thể hiện trong thuyết minh, thiết kế xây dựng của Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật;

b) Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm tra, thẩm định theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận giữa hai Chính phủ trước khi bàn giao cho phía Việt Nam để thực hiện thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định của Nghị định này;

c) Nhiệm vụ, phương án kỹ thuật, báo cáo khảo sát xây dựng tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật do nhà tài trợ lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của nhà tài trợ

---

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[33] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[34] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

thì không phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng;

d) Kết quả dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được sử dụng để triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Đối với các dự án thành phần còn lại, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được lập theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng.

4. Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức tư vấn lập hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo pháp luật về lâm nghiệp để hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án, trình thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

5. Theo yêu cầu của từng dự án thành phần, người quyết định đầu tư quyết định việc thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định này để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Việc thẩm định của Hội đồng thẩm định được thực hiện song song, đồng thời trong thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, Hội đồng thẩm định được yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra một số nội dung hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định trong trường hợp cần thiết. Chi phí mời tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định hoặc chi phí thẩm tra phục vụ thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.

7. Việc lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Trong quá trình chuẩn bị, thực hiện dự án, theo yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án theo quy định pháp luật về địa chất và khoáng sản, làm cơ sở xác định các mỏ khoáng sản, báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh trữ lượng, kéo dài thời hạn khai thác, nâng công suất hoặc điều chỉnh, bổ sung vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.

Điều 26. Hồ sơ, trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án[35]

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng hoặc cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ được gửi theo hình thức trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản của Bộ Xây dựng hoặc gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình;

[35] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Báo cáo thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra hoặc báo cáo thẩm tra, thẩm định theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận của hai Chính phủ đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này;

d) Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án;

đ) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại Điều 27 Nghị định này, ban hành Thông báo kết quả thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Chủ đầu tư gửi hồ sơ tổng mức đầu tư xây dựng đã được hoàn thiện theo nội dung yêu cầu tại Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định đến Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán làm cơ sở phê duyệt dự án. Kiểm toán nhà nước có kết quả kiểm toán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán.

5. Chủ đầu tư hoàn thiện toàn bộ hồ sơ dự án theo yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định và các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước (nếu có), trình hồ sơ đã chỉnh sửa, hoàn thiện đến cơ quan thường trực Hội đồng.

6. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan thường trực Hội đồng (trong trường hợp thẩm định theo hình thức Hội đồng thẩm định) tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư.

Điều 27. Nội dung thẩm định, phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng[36]

1. Nội dung thẩm định của cơ quan thẩm định bao gồm:

a) Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với chủ trương đầu tư về mục tiêu, phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư, công nghệ, tiến độ thực hiện;

b) Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án; xác định tổng mức đầu tư xây dựng. Nội dung về tính hiệu quả của toàn dự án được đánh giá khi thực hiện thẩm định dự án thành phần có đầy đủ các thông tin về quy mô của toàn dự án;

c) Đánh giá về thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

d) Kiểm tra việc thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo pháp luật về lâm nghiệp; việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

---

[36] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

2. Nội dung đánh giá thiết kế xây dựng tại điểm c khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

b) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với quy hoạch mạng lưới đường sắt;

c) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra đáp ứng yêu cầu về: an toàn công trình; an toàn phòng cháy và chữa cháy; sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; riêng đối với dự án thành phần quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này, việc đánh giá sự phù hợp của giải pháp phòng cháy và chữa cháy theo tiêu chuẩn của nhà tài trợ;

đ) Đánh giá các nội dung về thiết kế công nghệ.

3. Nội dung đánh giá về tổng mức đầu tư tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định tổng mức đầu tư xây dựng;

b) Sự phù hợp tổng mức đầu tư xây dựng so với sơ bộ tổng mức đầu tư và nội dung, yêu cầu của dự án;

c) Kiểm tra việc cập nhật kết quả hoàn thiện tổng mức đầu tư của Dự án hỗ trợ kỹ thuật đã được thẩm tra, thẩm định theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận giữa hai nước trước khi bàn giao cho phía Việt Nam; kết quả phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng các dự án thành phần còn lại (nếu có);

d) Kiểm tra sự phù hợp của các khoản mục chi phí được bổ sung (nếu có) ngoài các nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư các dự án thành phần đã được thẩm định, phê duyệt;

đ) Yêu cầu chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ và tổng mức đầu tư xây dựng để trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Việc quyết định đầu tư xây dựng được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 28. Điều chỉnh dự án

1. Việc điều chỉnh dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật về đầu tư công.

2. Quy trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh thực hiện theo Điều 26 Nghị định này. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh cần bổ sung các nội dung sau:

a) Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật đầu tư công;

b) Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

3. Việc thẩm định điều chỉnh được thực hiện đối với các nội dung điều chỉnh tương ứng theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

4. Việc phê duyệt dự án điều chỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 187/2025/QH15 và pháp luật về đầu tư công.

Điều 29. Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Chủ đầu tư tổ chức lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đồng thời với việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng cho thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại thỏa thuận được ký kết giữa hai Chính phủ về lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án.

3. Tư vấn lập dự án có trách nhiệm phối hợp, cung cấp kịp thời thông tin các hạng mục công trình thuộc dự án cho tổ chức tư vấn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở để phục vụ việc triển khai song song, đồng thời.

4. Trường hợp thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo thiết kế FEED, nội dung thiết kế FEED bao gồm thuyết minh, bản vẽ, chỉ dẫn kỹ thuật và tài liệu khác, thể hiện các nội dung sau:

a) Thông tin chung về dự án, vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình;

b) Danh mục và quy mô, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng công trình;

c) Danh mục quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng cho dự án;

d) Các yêu cầu về tính sẵn sàng, độ tin cậy, khả năng bảo trì và an toàn (RAMS);

đ) Xác định chỉ số đánh giá hiệu suất, năng lực vận tải của dự án; phương án tổ chức khai thác chạy tàu;

e) Thông tin, thông số kỹ thuật chủ yếu và các yêu cầu cho hệ thống thiết bị, phương tiện chính bao gồm: hệ thống phương tiện; hệ thống thông tin, tín hiệu; hệ thống giám sát; hệ thống cấp điện, điện sức kéo; hệ thống thẻ vé; trung tâm điều khiển chạy tàu; hệ thống kiểm soát môi trường; hệ thống thiết bị phục vụ duy tu, bảo dưỡng tại đề pô;

g) Thông tin, thông số kỹ thuật, vật liệu, kích thước chủ yếu và các yêu cầu về công trình tuyến, các công trình trên tuyến: bình đồ, trắc dọc, trắc ngang; giải pháp thiết kế kiến trúc, kết cấu, cơ - điện công trình;

h) Các bản vẽ khác làm rõ ý tưởng của nhà thầu thiết kế, các quy định được nêu trong quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

i) Chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế FEED;

k) Phương án kết nối, giao diện hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình; giữa các hạng mục công trình và thiết bị hoặc hệ thống thiết bị của dự án;

l) Phương án kết nối giữa hệ thống đường sắt với hệ thống giao thông; các khu vực đô thị, khu chức năng (nếu có);

m) Giải pháp phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; giải pháp phòng chống thiên tai, phương án cứu hộ và sơ tán;

n) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng đối với các công trình hiện hữu (nếu có);

o) Các yêu cầu về vận hành, bảo trì;

p) Mô hình thông tin công trình (BIM) theo quy định của nhà tài trợ (nếu có);

q) Các nội dung cần thiết khác.

Điều 30.[37] ***(được bãi bỏ)***

Mục 2. QUẢN LÝ CHI PHÍ

Điều 31. Tổng mức đầu tư xây dựng[38]

1. Tổng mức đầu tư xây dựng là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định theo thiết kế và các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án gồm tổng mức đầu tư dự án thành phần; dự án thành phần độc lập; tiểu dự án (nếu có); dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng độc lập (nếu có).

3. Việc xác định và quản lý chi phí của dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của pháp luật về đất đai đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại các mỏ khoáng sản khai thác làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư các khu vực bãi đổ thải (nếu có) được tính trong chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Đối với dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này, tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 6 Điều này và các quy định, hướng dẫn của Bộ Xây dựng (nếu có) áp dụng cho dự án.

5. Đối với dự án thành phần không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, tiểu dự án (nếu có), tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án thành phần quy định tại khoản 4 Điều này gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí khác, chi phí dự phòng,

---

[37] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[38] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

lãi vay đầu tư (nếu có); chi phí mua sắm đầu máy toa xe; vốn lưu động (nếu có). Trong đó:

a) Chi phí khác của tổng mức đầu tư xây dựng gồm: chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn, chi phí khác theo quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế; một số chi phí đặc thù của dự án như chi phí tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án, chi phí tư vấn pháp lý (nếu có), chi phí tư vấn hỗ trợ quản lý dự án (nếu có), chi phí đào tạo quản lý vận hành và bảo trì, chi phí tư vấn và chi phí liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án, chi phí tư vấn đánh giá an toàn hệ thống và các khoản mục chi phí khác có liên quan;

b) Được sử dụng quy định của nhà tài trợ về phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, dữ liệu chi phí, giá vật liệu, thiết bị, giá nhân công, giá ca máy, tỷ lệ sử dụng lao động, hệ số điều chỉnh chênh lệch hiệu suất thi công giữa lao động của Việt Nam với nước ngoài và phụ cấp của lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam để xác định các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật;

c) Việc xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật do tổ chức tư vấn được nhà tài trợ lựa chọn thực hiện. Tổng mức đầu tư xây dựng được thẩm định cùng Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Dự án hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận giữa hai nước trước khi bàn giao cho phía Việt Nam.

7. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được phê duyệt cùng với việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định này.

8. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được điều chỉnh trong trường hợp điều chỉnh dự án theo quy định tại Điều 28 Nghị định này mà dẫn đến việc thay đổi tổng mức đầu tư xây dựng được duyệt.

Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện trên cơ sở phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, dữ liệu chi phí, giá vật liệu, thiết bị, giá nhân công, giá ca máy và các quy định liên quan khác đã được áp dụng cho dự án.

Điều 32. Dự toán xây dựng[39]

1. Dự toán xây dựng được xác định cho công trình, hạng mục công trình, gói thầu xây dựng, công việc xây dựng.

2. Đối với công trình, hạng mục công trình, gói thầu xây dựng, công việc xây dựng thuộc dự án thành phần, tiểu dự án quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định này hoặc thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật nhưng không sử dụng công nghệ, tiêu chuẩn của nhà tài trợ, dự toán xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp

[39] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

luật về xây dựng.

3. Đối với công trình, hạng mục công trình, gói thầu xây dựng của dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật có sử dụng công nghệ, tiêu chuẩn của nhà tài trợ, dự toán xây dựng được xác định và quản lý theo quy định sau:

a) Dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí dự tính trước để thực hiện đầu tư xây dựng công trình, được xác định trên cơ sở thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Dự toán xây dựng công trình gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí khác, chi phí dự phòng, lãi vay đầu tư (nếu có); chi phí mua sắm đầu máy toa xe; vốn lưu động (nếu có). Trong đó, cơ cấu chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình tương tự cơ cấu chi phí khác của tổng mức đầu tư xây dựng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 31 Nghị định này.

b) Được sử dụng các quy định của nhà tài trợ Dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng về phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, dữ liệu chi phí, giá vật liệu, thiết bị, giá nhân công, giá ca máy, tỷ lệ sử dụng lao động, hệ số điều chỉnh chênh lệch hiệu suất thi công giữa lao động của Việt Nam với nước ngoài và phụ cấp của lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam để xác định dự toán xây dựng công trình.

c) Việc thẩm tra, thẩm định dự toán xây dựng của chủ đầu tư được thực hiện cùng với việc thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng của chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

4. Dự toán gói thầu gồm một hoặc một số các công việc: tư vấn xây dựng, thi công xây dựng công trình, cung cấp vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng, đào tạo quản lý vận hành, bảo trì và các công việc liên quan khác.

5. Căn cứ nội dung, phạm vi, tính chất, đặc điểm, điều kiện cụ thể của gói thầu để xác định dự toán gói thầu từ các khoản mục chi phí tương ứng trong tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình được duyệt hoặc xác định dự toán gói thầu trên cơ sở thiết kế xây dựng tương ứng hoặc xác định trên cơ sở đề cương, nhiệm vụ của công việc, khối lượng công việc và các chi phí tương ứng.

Mục 3. LỰA CHỌN NHÀ THẦU TƯ VẤN

Điều 33. Lựa chọn nhà thầu tư vấn tham gia dự án[40]

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn được phê duyệt đồng thời với quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Việc lựa chọn nhà thầu tư vấn được thực hiện theo hình thức chỉ định thầu

[40] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

và được thực hiện đồng thời trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

3. Chủ đầu tư được lựa chọn nhà thầu tư vấn để thực hiện đồng thời công tác khảo sát, lập thiết kế xây dựng triển khai sau bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; được lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm tra để thực hiện đồng thời công tác giám sát khảo sát, thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

Chương IV
CÁC QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục 1. KHẢO SÁT XÂY DỰNG PHỤC VỤ LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 34. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát

1. Đối với dự án thực hiện lập thiết kế FEED thay cho thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, nhiệm vụ khảo sát xây dựng do tư vấn thiết kế FEED hoặc nhà thầu khảo sát xây dựng lập. Trường hợp chưa lựa chọn được nhà thầu thiết kế FEED, nhà thầu khảo sát xây dựng hoặc trong trường hợp khảo sát khác, chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được người có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án (sau đây gọi chung là cơ quan chuẩn bị dự án) giao tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án (nếu có) hoặc thuê tổ chức, cá nhân hoặc giao tổ chức, cá nhân trực thuộc có đủ điều kiện năng lực lập.

2. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng phải đáp ứng yêu cầu, mức độ chi tiết để lập của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định này và không vượt quá nội dung khảo sát lập cho bước thiết kế kỹ thuật.

3. Nội dung nhiệm vụ khảo sát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

4. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng điều chỉnh được cơ quan chuẩn bị dự án xem xét, phê duyệt trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

5. Nhà thầu khảo sát xây dựng lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng theo nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị định này.

6. Cơ quan chuẩn bị dự án có trách nhiệm tổ chức kiểm tra và phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng bằng văn bản hoặc phê duyệt trực tiếp tại nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

7. Đối với các dự án tuyến đường sắt đô thị đã lập thiết kế cơ sở, thiết kế FEED trước khi Nghị định này có hiệu lực, trong trường hợp có yêu cầu cập nhật, điều chỉnh thiết kế FEED đã thực hiện thì tư vấn lập dự án đề xuất bổ sung nhiệm vụ khảo sát (nếu cần thiết).

Điều 35. Nội dung, yêu cầu kết quả khảo sát xây dựng

1. Nội dung báo cáo kết quả khảo sát xây dựng thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng phải thể hiện được:

a)[41] Đủ thông tin làm cơ sở phân tích, đánh giá tác động đến cộng đồng dân cư và ảnh hưởng của việc giải phóng mặt bằng nơi tuyến đường sắt dự kiến đi qua; xác định khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng phục vụ cho dự án;

b) Đánh giá về các biến đổi liên quan đến địa tầng khu vực, đưa ra dự báo và khuyến nghị biện pháp kiểm soát các rủi ro về địa chất trong quá trình thi công, vận hành.

c)[42] Xác định hiện trạng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm và các công trình lân cận có khả năng ảnh hưởng đến phương án thiết kế, thi công và vận hành dự án.

3.[43] Nội dung của kết quả khảo sát tích hợp được vào mô hình thông tin công trình (BIM) của dự án theo tiêu chuẩn áp dụng thỏa thuận được nêu tại hợp đồng của các bên có liên quan. Dữ liệu khảo sát trong mô hình BIM phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ theo báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đã được phê duyệt, phục vụ cho quá trình thiết kế FEED.

Điều 36. Phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng

1. Cơ quan chuẩn bị dự án có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bằng văn bản hoặc phê duyệt trực tiếp tại Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng. Cơ quan chuẩn bị dự án được giao tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án (nếu có) hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để kiểm tra báo cáo kết quả khảo sát xây dựng làm cơ sở phê duyệt.

2.[44] Nhà thầu khảo sát chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện. Việc phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của cơ quan chuẩn bị dự án không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do nhà thầu khảo sát thực hiện.

3. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng là thành phần của hồ sơ hoàn thành công trình và được lưu trữ theo quy định.

---

[41] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[42] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

Mục 2. LẬP THIẾT KẾ FEED TẠI BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 37. Nhiệm vụ lập thiết kế FEED

1. Nhiệm vụ thiết kế FEED do cơ quan chuẩn bị dự án lập hoặc giao tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực lập; cơ quan chuẩn bị dự án chấp thuận.

2. Nội dung của nhiệm vụ thiết kế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

3. Nhiệm vụ thiết kế được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng điều kiện thực tế để đảm bảo hiệu quả và yêu cầu sử dụng dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chuẩn bị dự án quyết định việc sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ thiết kế.

Điều 38. Yêu cầu, quy cách hồ sơ thiết kế FEED

1. Thiết kế FEED phải đáp ứng các yêu cầu tại nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận.

2. Thiết kế FEED phải tuân thủ tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng, quy định về sử dụng vật liệu xây dựng; bảo đảm an toàn trong xây dựng, lắp đặt, sử dụng; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng cháy và chữa cháy[45] và điều kiện an toàn khác.

3. Giải pháp thiết kế phải có so sánh và đánh giá để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

4. Nội dung thiết kế FEED phải thể hiện được cấu trúc tổng thể của hệ thống đường sắt và mối quan hệ tương tác giữa các giao diện hệ thống; xác định các thông tin, thông số, kích thước, vật liệu chủ yếu của các công trình, hạng mục công trình chính, hệ thống phương tiện, thiết bị của dự án; đủ cơ sở để xác định tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu và lập bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED.

5. Mô hình thông tin công trình (BIM) kèm theo thiết kế FEED phải đáp ứng các yêu cầu về mức độ thông tin phù hợp theo quy định tại hợp đồng tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, sử dụng định dạng gốc kèm theo định dạng mở.

6. Quy cách hồ sơ thiết kế FEED:

a) Hồ sơ thiết kế FEED được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế FEED và các tài liệu có liên quan;

b) Bản vẽ thiết kế FEED phải có kích cỡ, khung tên; khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì

---

[45] Cụm từ "phòng, chống cháy nổ" được thay thế bằng cụm từ "phòng cháy và chữa cháy" theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

thiết kế, chủ nhiệm thiết kế; được tư vấn lập dự án, lập thiết kế FEED ký tên và đóng dấu xác nhận;

c) Hình thức của hồ sơ thiết kế FEED được thực hiện theo quy định của hợp đồng ký kết giữa tư vấn lập dự án với chủ đầu tư; phải bảo đảm tra cứu và bảo quản lâu dài.

Điều 39. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án lập thiết kế FEED thay cho thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, căn cứ nhiệm vụ thiết kế FEED được cơ quan chuẩn bị dự án phê duyệt, tư vấn lập dự án thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án theo giai đoạn: lập Báo cáo giữa kỳ theo nội dung quy định tại Điều 40 Nghị định này và triển khai hoàn thành toàn bộ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án theo nội dung quy định tại Điều 41 Nghị định này.

2. Báo cáo giữa kỳ được cơ quan chuẩn bị dự án trình người quyết định đầu tư để thực hiện các nội dung sau:

a) Giao cơ quan chuyên môn về quy hoạch tổ chức thẩm định trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án tuyến công trình, vị trí công trình theo tuyến;

b)[46] Xem xét, chấp thuận về công nghệ, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3. Người quyết định đầu tư được quyết định việc sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc, thuê tổ chức, cá nhân có điều kiện năng lực để cho ý kiến thẩm định làm cơ sở quyết định các nội dung đề xuất tại Báo cáo giữa kỳ về phương án công nghệ; tiêu chuẩn áp dụng cho dự án; phân chia dự án thành phần (nếu có).

4. Trên cơ sở phương án tối ưu được chấp thuận, tư vấn lập dự án triển khai thiết kế FEED, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng để thực hiện trình thẩm định, phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

5.[47] Việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Đối với các dự án tuyến đường sắt đô thị đã lập thiết kế cơ sở, thiết kế FEED trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì người quyết định đầu tư được quyết định phân chia dự án thành phần trong giai đoạn lập, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

Điều 40. Nội dung Báo cáo giữa kỳ của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Thuyết minh chung của Báo cáo giữa kỳ gồm:

a) Thông tin chung về dự án, vị trí xây dựng;

---

[46] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[47] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

b)[48] Phân tích, đánh giá phương án tuyến, vị trí công trình chủ yếu trên tuyến; phương án công nghệ; sơ bộ phương án tổ chức vận hành;

c) Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính;

d)[49] Đánh giá ban đầu về hiệu quả kinh tế - xã hội, phân tích các yếu tố rủi ro; tiến độ thực hiện dự án;

đ) Đề xuất lựa chọn phương án tối ưu về công nghệ; tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

e) Đề xuất về việc phân chia dự án thành phần, tiến độ triển khai dự án thành phần; sơ bộ phân chia các gói thầu (nếu có).

2. Hồ sơ thiết kế FEED về phương án tuyến công trình, vị trí công trình theo tuyến gồm các nội dung sau:

a)[50] Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000;

b) Bình đồ tuyến, ga, đề-pô đường sắt đô thị tỷ lệ 1/500 thể hiện đầy đủ tim tuyến bao gồm tọa độ, vị trí công trình theo tuyến, chỉ giới đường đỏ công trình đường bộ có liên quan, mặt cắt ngang thể hiện vị trí công trình đường sắt đô thị, ranh giới phạm vi bảo vệ công trình theo phương ngang, ranh giới hành lang an toàn đường sắt, và ranh giới phạm vi thu hồi đất, trong đó, bao gồm đất dành cho kết cấu công trình đường sắt đô thị, đất phục vụ thi công xây dựng và kết nối, giao diện giữa các hạng mục công trình và hệ thống thiết bị của dự án, kết nối giữa hệ thống đường sắt với các khu vực lân cận để quyết định giao đất thực hiện xây dựng công trình đường sắt đô thị;

c) Kết quả tham vấn cộng đồng.

3. Hồ sơ thiết kế FEED về phương án lựa chọn công nghệ gồm:

a) Thuyết minh phương án lựa chọn công nghệ với các nội dung chính sau: hệ thống phương tiện; hệ thống thông tin, tín hiệu; hệ thống giám sát; hệ thống cấp điện, điện sức kéo; hệ thống thẻ vé; trung tâm điều khiển chạy tàu; hệ thống kiểm soát môi trường; hệ thống thiết bị phục vụ duy tu, bảo dưỡng tại đề pô;

b) Khung quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án;

c) Bảng thông số công nghệ, kỹ thuật chủ yếu của dự án;

d) Các phụ lục chứng minh kèm theo.

4.[51] Mô hình thông tin công trình (BIM) (nếu có).

---

[48] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[49] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[50] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[51] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

Điều 41. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Thuyết minh chung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm các nội dung được chấp thuận của Báo cáo giữa kỳ và các nội dung sau:

a) Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;

b) Các yếu tố đảm bảo thực hiện dự án về sử dụng tài nguyên, sử dụng lao động, thời gian thực hiện;

c) Phương án phân chia dự án thành phần, phân kỳ đầu tư; phương án phân chia các gói thầu EPC, EC, EP (nếu có);

d) Đề xuất kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có);

đ) Giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án;

e)[52] Đánh giá tác động của dự án liên quan đến thu hồi đất, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai bao gồm đất trồng lúa, đất rừng (nếu có); phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng cho dự án (trừ trường hợp thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo dự án thành phần); đánh giá tiềm năng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), khả năng khai thác giá trị tăng thêm từ đất và các nguồn thu liên quan.

g) Tổng mức đầu tư của dự án theo quy định tại Điều 47 Nghị định này;

h) Khả năng huy động vốn, nguồn và phương thức huy động vốn; phân tích tài chính, rủi ro; chi phí khai thác, sử dụng công trình;

i) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

k) Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ;

l) Kiến nghị các cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

m) Các nội dung cần thiết khác.

2. Hồ sơ thiết kế FEED bao gồm thuyết minh, bản vẽ, chỉ dẫn kỹ thuật và tài liệu khác, thể hiện các nội dung sau:

a) Thông tin chung về dự án, vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình;

b) Danh mục và quy mô, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng công trình;

c) Danh mục quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

d) Các yêu cầu về tính sẵn sàng, độ tin cậy, khả năng bảo trì và an toàn (RAMS);

đ) Xác định chỉ số đánh giá hiệu suất, năng lực vận tải của dự án; phương án tổ chức khai thác chạy tàu;

e) Thông tin, thông số kỹ thuật chủ yếu và các yêu cầu cho hệ thống thiết bị,

---

[52] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

phương tiện chính bao gồm: hệ thống phương tiện; hệ thống thông tin, tín hiệu; hệ thống giám sát; hệ thống cấp điện, điện sức kéo; hệ thống thẻ vé; trung tâm điều khiển chạy tàu; hệ thống kiểm soát môi trường; hệ thống thiết bị phục vụ duy tu, bảo dưỡng tại đề pô;

g)[53] Thông tin, thông số kỹ thuật, vật liệu chủ yếu và các yêu cầu về công trình tuyến, các công trình trên tuyến: bình đồ, trắc dọc, trắc ngang; giải pháp thiết kế kiến trúc, kết cấu, cơ - điện công trình; đánh giá tính tương thích và khả năng kết nối với mạng lưới đường sắt đô thị hiện hữu và theo quy hoạch.

h) Các bản vẽ cần thiết khác (nếu có);

i) Chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế FEED;

k) Phương án kết nối, giao diện hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình; giữa các hạng mục công trình và thiết bị hoặc hệ thống thiết bị của dự án;

l) Phương án kết nối giữa hệ thống đường sắt với hệ thống giao thông công cộng, các khu vực đô thị hiện hữu và tương lai trong quy hoạch khu vực TOD (nếu có);

m) Giải pháp phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; giải pháp phòng chống thiên tai, phương án cứu hộ và sơ tán;

n) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng đối với các công trình hiện hữu;

o) Các yêu cầu về vận hành, bảo trì;

p) Mô hình thông tin công trình (BIM);

q) Các nội dung cần thiết khác.

3. Hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy[54] theo pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Các hồ sơ có liên quan đến kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, phương án phân chia gói thầu, dự toán gói thầu EPC, EC, EP (nếu có).

5. Các tài liệu khác có liên quan.

6. Đối với dự án PPP, nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, riêng hồ sơ thiết kế FEED thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Mục 3. THẨM TRA, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Điều 42. Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Cơ quan chuẩn bị dự án lựa chọn tổ chức tư vấn thẩm tra song song, đồng

---

[53] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[54] Cụm từ "phòng, chống cháy nổ" được thay thế bằng cụm từ "phòng cháy và chữa cháy" theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

thời với quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án.

2. Nội dung thẩm tra đáp ứng yêu cầu của công tác thẩm định theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.

3. Báo cáo kết quả thẩm tra được lập cho Báo cáo giữa kỳ và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án.

Điều 43. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Đối với dự án sử dụng thiết kế FEED thay thế thiết kế cơ sở, việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được quy định cụ thể như sau:

1. Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án bao gồm việc thẩm định của người quyết định đầu tư, thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo pháp luật về xây dựng đối với dự án nhóm A do địa phương quản lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 188/2025/QH15 và các quy định tại Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc làm cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều này và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dự án.

3.[55] Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng được lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung thẩm định; được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định hoặc thuê tổ chức thẩm tra phục vụ thẩm định.

Chi phí mời tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định hoặc chi phí thẩm tra phục vụ thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.

4.[56] Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng gồm:

a) Sự phù hợp của thiết kế FEED của dự án đường sắt đô thị với phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến được phê duyệt; sự phù hợp của thiết kế FEED của dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD với quy hoạch khu vực TOD được duyệt;

b) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

c) Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra về đáp ứng yêu

---

[55] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[56] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

cầu về an toàn công trình; yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy;

e) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng.

5. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư tại điểm e khoản 4 Điều này được quy định cụ thể như sau:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định tổng mức đầu tư xây dựng;

b) Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng;

c) Sự phù hợp của nội dung các thành phần chi phí của tổng mức đầu tư xây dựng với quy định và các nội dung, yêu cầu của dự án;

d) Sự tuân thủ hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, các công cụ cần thiết khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố và việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của các dự án, công trình tương tự và các công cụ cần thiết khác để xác định tổng mức đầu tư xây dựng.

6.[57] Nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư gồm:

a) Sự phù hợp với mục tiêu, quy mô đầu tư;

b) Việc đáp ứng các nội dung của hồ sơ thiết kế FEED với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án;

d) Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội;

đ) Đánh giá các nội dung về thiết kế công nghệ, chuyển giao công nghệ;

e) Việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường theo pháp luật về môi trường;

g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

7. Nội dung thẩm định, xác định tổng mức đầu tư tại điểm d khoản 6 Điều này được quy định cụ thể như sau:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng; kiểm tra kết quả thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng của tổ chức tư vấn;

b) Kết quả hoàn thiện, bổ sung hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng theo các kiến nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại khoản

---

[57] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

5 Điều này và các ý kiến giải trình;

c) Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng hoặc quy mô công trình, hạng mục công trình, chủng loại và số lượng thiết bị theo dây chuyền công nghệ được lựa chọn để tính toán trong tổng mức đầu tư xây dựng so với thiết kế FEED và Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

d) Xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đảm bảo tính đúng, tính đủ theo quy định, phù hợp với yêu cầu thiết kế, điều kiện xây dựng, mặt bằng giá thị trường và kế hoạch thực hiện dự án;

đ) Phân tích nguyên nhân tăng, giảm và đánh giá việc đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án theo giá trị tổng mức đầu tư xây dựng xác định sau thẩm định.

8. Đối với dự án PPP, nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, riêng nội dung thẩm định thiết kế FEED và tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều này.

9. Tổng mức đầu tư của dự án sau khi đã được hoàn thiện theo kết quả thẩm định quy định tại Điều này được Ủy ban nhân dân thành phố gửi Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán hồ sơ tổng mức đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị quyết 188/2025/QH15.

Điều 44. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

1. Việc quyết định đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên dự án;

b) Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình (với công trình xây dựng theo tuyến);

c) Người quyết định đầu tư; chủ đầu tư;

d) Tư vấn lập dự án, thiết kế FEED; tổ chức tư vấn thẩm tra;

đ) Loại, nhóm dự án; danh mục; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính;

e) Mục tiêu dự án;

g) Diện tích đất sử dụng;

h) Quy mô đầu tư xây dựng: quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính;

i) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn (danh mục tiêu chuẩn chủ yếu có thể được chấp thuận theo văn bản riêng);

k) Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư;

l) Việc phân chia dự án thành phần;

m) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có);

n) Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu);

o) Kế hoạch thực hiện, tiến độ thực hiện từng giai đoạn, hạng mục chính của dự án, phân kỳ đầu tư (nếu có), thời hạn của dự án, (nếu có);

p) Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án;

q) Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;

r) Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên;

s) Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ;

t) Các cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án.

2. Việc phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền đối với dự án PPP được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Trường hợp phê duyệt dự án thành phần theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này, nội dung phê duyệt dự án thành phần theo quy định khoản 1 Điều này trừ điểm l khoản 1 Điều này.

Điều 45. Điều chỉnh dự án

1. Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 188/2025/QH15, việc điều chỉnh dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư tương ứng với nguồn vốn sử dụng của dự án.

2. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 188/2025/QH15.

3. Việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh thực hiện theo Điều 43 Nghị định này đối với các nội dung điều chỉnh.

4. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh cần bổ sung các nội dung sau:

a) Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật đầu tư công;

b) Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

Điều 46. Thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

1. Đối với các dự án được sử dụng thiết kế FEED thay cho thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, việc lập, kiểm soát thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED của chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Trường hợp dự án thực hiện lập thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và triển khai thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở là thiết kế FEED, nhiệm vụ thiết kế, yêu cầu, nội dung thiết kế FEED thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38, khoản 2 Điều 41 Nghị định này.

3.[58] Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, kiểm soát thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng.

4.[59] ***(được bãi bỏ)***

Mục 4. QUẢN LÝ CHI PHÍ

Điều 47. Tổng mức đầu tư xây dựng

1. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính của Báo cáo giữa kỳ xác định theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án xác định theo các quy định tại Điều 23 Nghị định này.

3. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được điều chỉnh khi dự án được điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định này và các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép. Việc thẩm tra, thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định Điều 42, Điều 43 của Nghị định này và quy định pháp luật về xây dựng.

Điều 48. Dự toán gói thầu xây dựng

1. Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được xác định trên cơ sở thiết kế FEED, các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng và các nội dung khác trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phù hợp với nội dung, phạm vi, thời gian thực hiện của gói thầu; và được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu).

2. Căn cứ tổng mức đầu tư xây dựng, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu được duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư cập nhật giá gói thầu EPC, EC, EP theo quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu cần thiết); tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 135 Luật Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc bổ sung các chi phí đặc thù, đặc biệt khác trong dự toán gói thầu xây dựng (trong trường hợp cần thiết)

---

[58] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[59] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai và thông lệ quốc tế.

5. Áp dụng, sử dụng hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 188/2025/QH15 để xác định dự toán các gói thầu khác thuộc dự án ngoài các gói thầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Việc tính toán, quy đổi cần phù hợp với nội dung, phạm vi, tính chất chi phí, thời điểm tính toán, địa điểm xây dựng và điều kiện cụ thể của gói thầu và phải được phân tích, đánh giá, thuyết minh rõ trong dự toán.

Điều 49. Chi phí vận hành và bảo trì công trình

1. Khi xác định chi phí vận hành và bảo trì công trình, được áp dụng, sử dụng:

a) Hệ thống định mức, đơn giá vận hành và bảo trì do các tổ chức nước ngoài công bố hoặc của dự án đường sắt đô thị tương tự trên thế giới và được quy đổi phù hợp với nội dung, phạm vi, tính chất chi phí, thời điểm tính toán, địa điểm xây dựng và điều kiện cụ thể của dự án trong trường hợp hệ thống định mức, đơn giá vận hành và bảo trì do cấp có thẩm quyền ban hành không có hoặc có nhưng chưa phù hợp với công trình, dự án;

b) Các khoản mục chi phí như các dự án đường sắt đô thị có tính chất, điều kiện triển khai tương tự trên thế giới khi pháp luật Việt Nam chưa quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp với công trình, dự án.

2. Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định thời gian áp dụng hệ thống định mức, đơn giá và các khoản mục chi phí nêu tại khoản 1 Điều này đảm bảo việc xác định chi phí vận hành và bảo trì công trình tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với thực tế vận hành, bảo trì công trình, dự án.

Chương V
QUY HOẠCH VÙNG PHỤ CẬN GA ĐƯỜNG SẮT

Điều 50. Quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt

1. Căn cứ vị trí, quy mô ga đường sắt trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định phạm vi, ranh giới, tính chất vùng phụ cận ga đường sắt làm cơ sở tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt để triển khai dự án khai thác quỹ đất theo mô hình TOD, quản lý các dự án đầu tư xây dựng trong khu vực.

2. Quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm tính đồng bộ và kết nối giữa hệ thống đường sắt, giao thông công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Tối ưu hóa sử dụng đất nhằm khai thác hiệu quả không gian đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội;

c) Đảm bảo khả năng đáp ứng và đồng bộ với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật ngoài ranh giới vùng phụ cận ga đường sắt.

Điều 51. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt

1. Trình tự lập, thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn về quy hoạch phân khu khu chức năng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt.

3. Trong quá trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định điều chỉnh chức năng sử dụng đất khác với quy hoạch chung đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt trước đó; quyết định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu dân số, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất, yêu cầu về không gian khác với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

4. Các khu vực có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng trong phạm vi vùng phụ cận ga đường sắt phải được xác định tại đồ án quy hoạch phân khu được phê duyệt theo tính chất, quy mô và yêu cầu quản lý.

5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 52. Điều chỉnh, cập nhật quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt

1. Việc điều chỉnh quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Trường hợp có điều chỉnh Dự án đường sắt dẫn đến điều chỉnh ranh giới nhà ga đường sắt, chủ đầu tư dự án gửi thông tin về phạm vi, ranh giới ga đường sắt điều chỉnh đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đầu tư xây dựng nhà ga để tổ chức cập nhật, điều chỉnh quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt.

3. Các nội dung phê duyệt hoặc điều chỉnh của quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt được cập nhật khi điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị và nông thôn theo quy định.

Chương VI
QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG, QUẢN LÝ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM GIA DỰ ÁN

Mục 1. QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG EPC, EC, EP

Điều 53. Lựa chọn nhà thầu EPC, EC, EP theo thiết kế FEED

Việc lựa chọn nhà thầu EPC, EC, EP theo thiết kế FEED thực hiện theo cơ

chế đặc thù được cấp có thẩm quyền cho phép, quy định của pháp luật về đấu thầu, xây dựng, quy định của pháp luật khác có liên quan và các quy định tại Nghị định này, đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng gói thầu.

Điều 54. Giá hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng EPC, EC, EP

1. Hình thức giá hợp đồng EPC, EC, EP do người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu quyết định trên cơ sở phạm vi công việc, quy mô và tính chất, mức độ phức tạp của gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu, điều kiện về cung ứng, phân chia rủi ro trong thực hiện và các điều kiện cụ thể khác của gói thầu.

2. Hợp đồng EPC, EC, EP theo hình thức trọn gói được xem xét để áp dụng đối với các gói thầu gắn liền với bản quyền công nghệ.

3. Việc điều chỉnh hợp đồng EPC, EC, EP theo hình thức trọn gói thực hiện theo quy định tại khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng và các trường hợp sau:

a) Thay đổi, điều chỉnh thiết kế FEED được cấp có thẩm quyền cho phép làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng;

b) Thay đổi các yêu cầu của chủ đầu tư về nội dung, phạm vi công việc, chất lượng sản phẩm của hợp đồng;

c) Thay đổi, điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

Mục 2. QUẢN LÝ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH

Điều 55.[60] *(được bãi bỏ)*

Điều 56. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân tham gia thực hiện dự án[61]

1. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng cần đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có một trong các loại chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng I theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng: công trình đường bộ; công trình đường sắt; công trình cầu - hầm;

b) Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế hoặc đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế của ít nhất 01 công trình đường sắt cấp I trở lên hoặc 02 công trình đường sắt cấp II trở lên.

2. Đối với cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước

---

[60] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[61] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

ngoài đảm nhận các chức danh: chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc các dự án theo quy định tại Nghị định này phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Có giấy phép năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp (nội dung hành nghề liên quan đến lĩnh vực do mình đảm nhiệm), có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên và đã chủ trì thực hiện công việc tương ứng tối thiểu 02 công trình cùng loại;

b) Đối với những cá nhân thuộc những quốc gia mà quy định pháp luật không yêu cầu về giấy phép năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề (có tài liệu chứng minh kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam) thì phải có bằng đại học chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực do mình đảm nhiệm, có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên và đã chủ trì thực hiện công việc được giao đối với 01 công trình cùng loại có cấp công trình tương ứng với cấp I trở lên hoặc 02 công trình cùng loại có cấp công trình tương ứng với cấp II theo quy định của pháp luật Việt Nam về phân cấp công trình;

c) Cá nhân người nước ngoài hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên thì chứng chỉ hành nghề, giấy phép năng lực hoặc bằng đại học (trong trường hợp thuộc những quốc gia mà quy định pháp luật không yêu cầu về giấy phép năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề) phải hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Ngoài những lĩnh vực nêu trên thì các cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng.

Điều 57. Kiện toàn mô hình tổ chức Ban Quản lý dự án chuyên ngành

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc kiện toàn các Ban Quản lý dự án chuyên ngành về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức và hoạt động; mô hình quản lý dự án; cơ sở vật chất; mức lương; chế độ đãi ngộ; cơ chế thu hút nguồn nhân lực; kinh phí hoạt động và các nội dung cần thiết khác để đảm bảo đủ năng lực thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng; phù hợp với thời gian thực hiện, khai thác, vận hành, chuyển giao công nghệ và các yếu tố đặc thù của dự án.

2. Việc quyết định số lượng cấp phó khi kiện toàn Ban Quản lý dự án chuyên ngành được xác định dựa trên mô hình quản lý dự án, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và quản lý dự án hiệu quả. Số lượng cấp phó được phép vượt quá quy định hiện hành về số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục 3. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN THAM GIA DỰ ÁN

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan chủ quản, chủ đầu tư

1. Cơ quan chủ quản, chủ đầu tư thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa

vụ theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định của pháp luật khác có liên quan và các quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này.

2. Cơ quan chủ quản có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Được yêu cầu tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án xem xét một số nội dung của Báo cáo giữa kỳ, Báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi trình hồ sơ đến Hội đồng thẩm định;

b) Được yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế FEED điều chỉnh;

c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế FEED điều chỉnh theo quy định của Nghị định này;

d) Theo dõi, kiểm tra công tác chuẩn bị dự án theo kế hoạch, yêu cầu của dự án.

3. Chủ đầu tư có các quyền sau:

a) Được tiếp xúc, trao đổi thông tin, yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác lập dự án, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch theo quy định;

b) Được giao tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án thực hiện lập nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế và một số nội dung thuộc thẩm quyền;

c) Được giao chi phí quản lý bước chuẩn bị dự án;

d) Được ký hợp đồng lao động với chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài để thực hiện một số các công việc trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

4. Chủ đầu tư có nghĩa vụ:

a) Phê duyệt các hồ sơ khảo sát, thiết kế và các tài liệu khác phục vụ công tác chuẩn bị dự án theo quy định;

b) Kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, bảo đảm thực hiện đúng quy định và tiến độ theo yêu cầu;

c) Chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, nội dung của hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng khi trình thẩm định, phê duyệt dự án;

d) Bàn giao đầy đủ hồ sơ và phối hợp cung cấp các thông tin cần thiết với chủ đầu tư triển khai dự án trong trường hợp chủ đầu tư không là chủ đầu tư cho giai đoạn thực hiện dự án.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm tra

1. Tổ chức tư vấn lập dự án có các quyền sau:

a) Yêu cầu chủ đầu tư và các bên liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cho công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

b) Từ chối thực hiện yêu cầu ngoài phạm vi nhiệm vụ thiết kế và hợp đồng tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Được thuê thầu phụ thực hiện một số công việc của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định của Hợp đồng;

d) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật

có liên quan.

2. Tổ chức tư vấn lập dự án có các nghĩa vụ sau:

a) Phối hợp với tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án, nhà thầu khảo sát xây dựng để thực hiện song song, đồng thời công tác khảo sát và thiết kế xây dựng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về chất lượng hồ sơ, tính chính xác, đầy đủ của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về chất lượng công việc của nhà thầu phụ;

c) Giải trình, làm rõ các cơ sở tính toán, cơ sở lựa chọn giải pháp thiết kế, giải pháp công nghệ theo yêu cầu của tổ chức tư vấn thẩm tra và cơ quan thẩm định;

d) Thực hiện giám sát tác giả về thiết kế FEED theo quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng tư vấn và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức tư vấn thẩm tra có các quyền sau:

a) Yêu cầu tư vấn lập dự án cung cấp, giải trình, làm rõ các thông tin làm cơ sở cho công tác thẩm tra;

b) Bảo lưu kết quả thẩm tra, từ chối thực hiện yêu cầu làm sai lệch kết quả thẩm tra hoặc các yêu cầu vượt quá năng lực, phạm vi công việc thẩm tra.

4. Tổ chức tư vấn thẩm tra có các nghĩa vụ sau:

a) Thẩm tra thiết kế xây dựng theo phạm vi yêu cầu của Hội đồng thẩm định[62], chủ đầu tư;

b) Giải trình, làm rõ kết quả thẩm tra làm cơ sở cho công tác thẩm định của Hội đồng thẩm định[63], cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả công việc do mình thực hiện.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có các quyền sau:

a) Thực hiện quyền quản lý dự án theo ủy quyền của chủ đầu tư, được đề xuất phương án, giải pháp tổ chức quản lý dự án;

b) Được thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án tham gia quản lý dự án theo phạm vi xác định tại hợp đồng;

c) Được ký hợp đồng lao động với chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài, lao động kỹ thuật là công dân nước ngoài để thực hiện một số các công việc có tính chất đặc thù hoặc các vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được. Việc ký hợp đồng với người nước ngoài không phải thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày

---

[62] Cụm từ "Hội đồng thẩm định nhà nước" được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng thẩm định" theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

[63] Cụm từ "Hội đồng thẩm định nhà nước" được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng thẩm định" theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

18 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có các nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức quản lý dự án bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường;

b) Xác định rõ nội dung các công việc yêu cầu thuê chuyên gia tham gia quản lý dự án;

c) Báo cáo công việc với chủ đầu tư trong quá trình quản lý dự án;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng EPC, EC, EP

1. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng EPC, EC, EP theo quy định của hợp đồng, của pháp luật khác có liên quan và các quy định tại khoản 2, 3 Điều này.

2. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và ký hợp đồng EPC, EC, EP trong đó có các tiêu chí về ưu tiên sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà trong nước có thể sản xuất, cung cấp được; các yêu cầu về cam kết của nhà thầu đối với chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực (chỉ áp dụng đối với dự án theo Nghị quyết số 172/2024/QH15);

b) Được quyền tiếp cận, kiểm tra quá trình thiết kế, chế tạo, lắp đặt, thử nghiệm thiết bị;

c) Được phép thuê tổ chức tư vấn để quản lý hợp đồng, từ khâu soạn thảo, đàm phán, ký kết, thực hiện đến thanh lý hợp đồng;

d) Giao tổ chức tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý hợp đồng thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền;

đ) Tổ chức thiết lập, quản lý môi trường dữ liệu chung (CDE) phục vụ áp dụng BIM xuyên suốt quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thực hiện dự án, kết thúc xây dựng đưa công trình vào vận hành, khai thác; bàn giao dữ liệu, mô hình BIM cho đơn vị quản lý vận hành để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình.

3. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu EPC, EC, EP:

a) Lập thiết kế bản vẽ thi công hoặc thiết kế chi tiết theo thông lệ quốc tế phù hợp với thiết kế FEED đã được người quyết định đầu tư quyết định khi phê duyệt dự án; thẩm định/trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định này;

b) Được quyền đề nghị chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư giao xem xét chấp thuận các nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu kèm theo hợp đồng EPC, EC, EP;

c) Có trách nhiệm đào tạo, chuyển giao công nghệ liên quan đến dự án cho chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành;

d) Sử dụng, cập nhật và phát triển mô hình BIM từ giai đoạn thiết kế, đảm bảo tính liên tục và chính xác của thông tin trong suốt quá trình thiết kế, thi công và bàn giao công trình; cung cấp mô hình BIM hoàn công cho chủ đầu tư đảm bảo đầy đủ thông tin cần thiết cho giai đoạn vận hành, khai thác và bảo trì công trình.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[64]

Điều 62. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Xây dựng có các trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước

---

[64] Các Điều 29, 34 của Nghị định số 67/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2026 quy định như sau:

" ***Điều 29. Trách nhiệm thi hành***

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các quy định của Nghị định này;

c) Chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu chi phí phục vụ việc công bố suất vốn đầu tư, giá xây dựng tổng hợp theo thẩm quyền;

d) Chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của các nước trên thế giới để chuyển đổi, hoàn thiện phục vụ việc xây dựng và ban hành định mức xây dựng, định mức bảo dưỡng, vận hành, bảo trì các công trình;

đ) Bố trí ngân sách để thực hiện trách nhiệm nêu tại điểm c, điểm d khoản này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này trên địa bàn hành chính của mình;

b) Chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan chuyên môn về xây dựng trong việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định của Nghị định này;

c) Chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu chi phí (nếu cần thiết) để công bố suất vốn đầu tư, giá xây dựng tổng hợp phục vụ việc quản lý trên địa bàn;

d) Chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật để phục vụ việc ban hành định mức xây dựng và định mức bảo dưỡng, vận hành, bảo trì các công trình;

đ) Bố trí ngân sách để thực hiện trách nhiệm nêu tại điểm c, điểm d khoản này.

3. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, các nhà thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ việc xây dựng hệ thống định mức, phục vụ công tác quản lý nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a, b khoản 3 Điều này.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Các Điều 49, 50 của Nghị định số 352/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

"***Điều 43. Điều khoản thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt đã được phê duyệt trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại; các công việc tiếp theo thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt đã trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đủ điều kiện thẩm định nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định thì tiếp tục thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP, Nghị định số 67/2026/NĐ-CP; các công việc tiếp theo thực hiện theo quy định của Nghị định này. Trường hợp không đủ điều kiện thẩm định hoặc kết quả thẩm định là chưa đủ điều kiện để tổng hợp, trình phê duyệt thì việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Nghị định này.".

về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Hướng dẫn, kiểm tra các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các quy định của Nghị định này;

b) Tổ chức kiện toàn Ban quản lý dự án chuyên ngành bảo đảm đủ năng lực thực hiện quản lý đầu tư xây dựng dự án;

c) Chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý dự án, đơn vị vận hành, khai thác để quản lý, thực hiện dự án;

d) Chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu chi phí phục vụ việc công bố suất vốn đầu tư, giá xây dựng tổng hợp theo thẩm quyền. Kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a)[65] ***(được bãi bỏ)****;*

b) Bố trí ngân sách để thực hiện các hoạt động thực hiện trước theo khoản 16 Điều 3 Nghị quyết số 172/2024/QH15.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024, Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội;

b) Kiện toàn tổ chức được giao triển khai thực hiện quản lý đầu tư dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD bảo đảm đủ năng lực thực hiện quản lý đầu tư xây dựng dự án;

c) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt; cập nhật, điều chỉnh quy hoạch có liên quan theo quy định của Nghị định này;

d) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mỏ và khu vực dự án; quản lý, giám sát quá trình thực hiện và quản lý mỏ sau khi hoàn thành dự án;

đ) Giao tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ dự án; chịu trách nhiệm kiểm soát, công bố giá vật liệu tại mỏ cấp cho dự án;

e) Phối hợp, hỗ trợ chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án, gồm: các thủ tục cấp mỏ, nâng công suất mỏ; các thủ tục liên quan đến tài nguyên, môi trường và các thủ tục khác thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

g) Hàng năm hoặc khi có yêu cầu, chỉ đạo các chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn trực thuộc cung cấp thông tin, tổng hợp số liệu có liên quan phục vụ việc công bố suất vốn đầu tư, giá xây dựng tổng hợp.

---

[65] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

4. Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo:

a) Chỉ đạo tổ chức thu thập dữ liệu hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của các nước trên thế giới để chuyển đổi, hoàn thiện hệ thống định mức xây dựng phục vụ việc quản lý chi phí các công trình thuộc các dự án nêu tại Điều 1 Nghị định này; chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc ban hành định mức xây dựng và định mức bảo dưỡng, vận hành, bảo trì các công trình thuộc dự án nêu tại Điều 1 Nghị định này;

b) Bố trí ngân sách để thực hiện trách nhiệm nêu tại khoản a Điều này và để vận hành tạm công trình (nếu có);

c) Chỉ đạo hoạt động truyền thông trước, trong đầu tư và sau khi vận hành dự án;

d) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh bố trí ngân sách để thực hiện các hoạt động thực hiện trước theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 188/2025/QH15.

5. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, các nhà thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ việc xây dựng hệ thống định mức, phục vụ công tác quản lý nhà nước quy định tại điểm d khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 63. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trường hợp có các quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị định này và các Nghị định của Chính phủ thì áp dụng quy định tại Nghị định này. Trường hợp Nghị định của Chính phủ ban hành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có các cơ chế, chính sách thuận lợi hơn quy định của Nghị định này thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh được quyết định việc áp dụng.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Phụ lục I[66]
NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng ban hành theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định này phải bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, trong đó:

a) Phạm vi điều chỉnh bao gồm: quy định nguyên tắc hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ hội họp, thông tin, báo cáo và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng;

b) Đối tượng áp dụng bao gồm: Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án.

2. Quy định về nguyên tắc hoạt động của Hội đồng:

a) Hội đồng thực hiện chế độ làm việc theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định này;

b) Thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được sử dụng con dấu của đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng;

c) Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành tự giải thể sau khi người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

3. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng và tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, trong đó:

a) Đối với Hội đồng:

- Thực hiện các quyền hạn được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao; ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng về các nội dung của dự án được phân công. Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thể hiện rõ việc tiếp thu đầy đủ ý kiến thành viên Hội đồng và thể hiện rõ quan điểm dự án đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để xem xét, quyết định đầu tư;

- Được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức thẩm tra phục vụ thẩm định. Chi phí mời tổ

[66] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

chức, cá nhân tham gia thẩm định hoặc chi phí thẩm tra phục vụ thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do chủ đầu tư chi trả;

- Được yêu cầu cơ quan quản lý quy hoạch, kiến trúc địa phương nơi có dự án cung cấp thông tin về quy hoạch có liên quan trong trường hợp cần thiết;

- Được bảo lưu kết quả thẩm định, từ chối thực hiện yêu cầu làm sai lệch kết quả thẩm định.

b) Đối với Chủ tịch Hội đồng:

- Xem xét phê duyệt kế hoạch thẩm định bao gồm nội dung thuê tư vấn thẩm tra (nếu có); quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng, chủ trì các phiên họp; phân công trách nhiệm của Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng;

- Ký biên bản, kết luận cuộc họp của Hội đồng và Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

- Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể giao Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng hoặc ký biên bản, kết luận cuộc họp của Hội đồng.

c) Đối với Phó Chủ tịch Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng điều hành các hoạt động của Hội đồng; theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công; báo cáo Chủ tịch Hội đồng về tình hình và kết quả thực hiện của Hội đồng;

- Phê duyệt nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng giao;

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tổ chuyên gia thẩm định liên ngành;

- Giúp Chủ tịch Hội đồng xem xét, đánh giá các báo cáo thẩm định của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các hoạt động khác của Hội đồng;

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác của thành viên Hội đồng.

d) Đối với các thành viên Hội đồng:

- Xem xét, có ý kiến về các nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án liên quan đến các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan và địa phương do mình phụ trách và về những vấn đề chung của dự án theo kế hoạch thẩm định của Hội đồng;

- Huy động nhân lực, phương tiện làm việc, cơ sở nghiên cứu thuộc quyền quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng; trao đổi, đóng góp ý kiến về các nội dung xem xét, thẩm định và biểu quyết các kết luận của Hội đồng. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp của Hội đồng, thành viên Hội đồng phải ủy quyền cho người đại diện có thẩm quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng và phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung được lấy ý kiến;

- Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham gia ý kiến đúng thời hạn theo

đề nghị của Hội đồng; trường hợp quá hạn chưa trả lời thì được xác định là thống nhất với nội dung lấy ý kiến của Hội đồng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc không trả lời đúng hạn;

- Chịu trách nhiệm về các ý kiến thẩm định và biểu quyết của mình.

đ) Đối với cơ quan thường trực Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức thực hiện các công việc phục vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra (nếu có) để thực hiện các công việc phục vụ thẩm định;

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

e) Đối với tổ chuyên gia thẩm định liên ngành:

- Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận của Hội đồng, thực hiện nhiệm vụ giúp việc thẩm định cho Hội đồng theo các lĩnh vực, chuyên ngành do Chủ tịch Hội đồng phân công tại Quy chế này;

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định này;

- Tổ chức các cuộc họp thẩm định, thống nhất ý kiến của tổ (bằng biên bản); các cuộc họp do Tổ trưởng hoặc Phó Tổ trưởng tổ chuyên gia thẩm định liên ngành chủ trì;

- Thực hiện các công việc khác được Hội đồng giao.

4. Quy định về cuộc họp của Hội đồng

a) Chuẩn bị cho cuộc họp của Hội đồng:

- Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định được tiếp nhận hợp lệ theo quy định, cơ quan thường trực Hội đồng gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành tổ chức thẩm định và lập Báo cáo kết quả thẩm định theo lĩnh vực, chuyên ngành được phân công;

- Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, Hội đồng tổ chức cuộc họp thẩm định với sự tham gia của chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Cuộc họp của Hội đồng:

- Cuộc họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng chủ trì; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp;

- Chủ đầu tư, Tư vấn liên quan (nếu cần) tham dự cuộc họp của Hội đồng và trình bày về nội dung cơ bản của dự án; cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu có liên quan đến dự án;

- Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành báo cáo về kết quả thẩm định, kiến nghị, đề xuất (nếu có) với Hội đồng;

- Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến thẩm định. Thư ký Hội đồng đọc ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng vắng mặt. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản thì được xác định là nhất trí với hồ sơ dự án;

- Thư ký Hội đồng ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng. Biên bản cuộc họp gồm những nội dung cơ bản sau: căn cứ pháp lý thành lập Hội đồng; số lượng, thành phần dự họp; nội dung cuộc họp, ý kiến của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; ý kiến của thành viên Hội đồng; ý kiến của chủ đầu tư, tư vấn liên quan (nếu có); kết quả biểu quyết của Hội đồng gồm: kết quả thẩm định, ý kiến bảo lưu của thành viên Hội đồng (nếu có), kiến nghị của Hội đồng; họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng;

Trường hợp ý kiến của thành viên Hội đồng tại cuộc họp thẩm định và ý kiến bằng phiếu khác nhau thì ý kiến bằng phiếu là ý kiến chính thức;

- Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng phải thể hiện rõ hồ sơ dự án đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình phê duyệt dự án. Trường hợp kết luận hồ sơ dự án chỉ đủ điều kiện trình phê duyệt sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì Thông báo kết quả thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. Thông báo kết quả thẩm định được gửi chủ đầu tư để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời gửi đến các thành viên Hội đồng.

Trường hợp hồ sơ dự án chưa đủ điều kiện trình phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý và gửi hồ sơ đến Bộ Xây dựng để thực hiện việc thẩm định lại theo quy định.

5. Quy định về chi phí hoạt động của Hội đồng

6. Quy định về tổ chức thực hiện Quy chế

a) Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng và tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

b) Trong quá trình thực hiện, trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, các thành viên Hội đồng gửi ý kiến về cơ quan thường trực Hội đồng để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

7. Các nội dung khác do Chủ tịch Hội đồng quy định tùy thuộc vào yêu cầu phục vụ công tác thẩm định.

Phụ lục II[67]

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

CƠ QUAN/TỔ CHỨC PHÊ DUYỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …	*…, ngày … tháng … năm…*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án/dự án thành phần/giai đoạn/hạng mục công trình của dự án (*tên dự án*)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt và Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số .... của (cơ quan thẩm định) về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án/công trình của dự án);

Theo đề nghị của (cơ quan chuẩn bị dự án) tại Tờ trình số... ngày... tháng… năm…

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án/dự án thành phần/giai đoạn/hạng mục công trình (*tên dự án/công trình của dự án*) với các nội dung chủ yếu như sau:

[67] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 352/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

1. Tên dự án:

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án (*ghi địa danh cấp xã, tỉnh*); điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (*ghi địa danh cấp xã, tỉnh*); diện tích sử dụng đất của dự án.

5. Người quyết định đầu tư:

6. Chủ đầu tư:

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: (*tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp*)

8. Mục tiêu dự án:

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô (như: vận chuyển hàng hóa, hành khách; khổ đường; số đường; tốc độ thiết kế; …).

Quy mô các công trình của dự án *(trường hợp chỉ phê duyệt theo giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư, một hoặc một số công trình*).

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Chi phí đầu tư xây dựng giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư, một hoặc một số công trình.

12. Thời gian thực hiện dự án/công trình của dự án; giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có):

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:

15. Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu):

16. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có):

17. Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ:

18. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

19. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:…

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/
TỔ CHỨC PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, KTQLXD.